

Bản án số: 471/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 01/10/2019

V/v Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Võ Thanh Nga

2. Bà Lê Thị Kim Lệ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 156/2019/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 391/2019/QĐST – HNGĐ ngày 09/9/2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/9/2019, giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Bị đơn: ông Phan Thanh H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Đường C, Phường D, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21/3/2019 và các lời khai tiếp sau đó, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông H thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm không thực hiện trách nhiệm của người chồng, hai bên đã sống ly thân từ tháng 03/2016. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Bà C khai nhận quá trình chung sống bà và ông H có 01 con chung tên Phan Nguyễn Ngọc X, sinh ngày 24/7/2012. Khi ly hôn bà C đồng ý tiếp tục giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, tự thỏa thuận việc cấp dưỡng. Bà C trình bày từ nhỏ con chung đã ở với ông, bà nội ổn định và được cho đi học, ông bà nội chăm sóc tốt nên bà đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, Bà C cũng cho biết bà không thể dẫn con chung đến Tòa để Tòa án tiến hành lấy lời khai vì đã hơn 01 năm bà

không gặp con chung và bà không dám về bên chồng thăm con do mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Thanh H có bản tự khai ngày 19/4/2019 trình bày: ông thừa nhận quá trình chung sống và đăng ký kết hôn đúng như bà C đã trình bày, theo ông thì quá trình chung sống giữa vợ chồng cũng bình thường, vào khoảng năm 2016 bà C bỏ nhà đi không rõ nguyên nhân. Trong thời gian bà C bỏ đi ông đã nhiều lần đi tìm nhưng không được, cho đến nay thì nhận được đơn ly dị của bà C. Ông không chấp thuận đơn ly dị của vợ.

- Về con chung: ông H khai nhận quá trình chung sống ông và bà C có 01 con chung tên Phan Nguyễn Ngọc X, sinh ngày 24/7/2012.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: ông H xác nhận không có.

Ông H vắng mặt tại các buổi hòa giải, cũng như tại phiên tòa công khai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Thanh H vắng mặt không có lý do, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C vẫn giữ các ý kiến, yêu cầu và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Phan Thanh H. Ông H hiện đang thực tế sinh sống tại Đường C, Phường D, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh. Do đó, Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phan Thanh H đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời thừa nhận của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Phan Thanh H chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 01/2002, do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận 4 cấp ngày 15/11/2012). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông H là hôn nhân hợp pháp. Nay, bà C yêu cầu được ly hôn với ông H vì quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông H thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm không thực hiện trách nhiệm của người chồng, hai bên đã sống

ly thân từ tháng 03/2016 đến năm 2018 các bên đã từng nộp đơn xin ly hôn một lần. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự tại địa phương nơi cư trú "... vợ chồng này không còn sống với nhau nữa, không thấy bà C về địa chỉ này đã lâu. Hai vợ chồng có 01 con chung là Phan Nguyễn Ngọc X, sinh ngày 24/7/2012 hiện cháu đang ở với ông H và ông, bà. Ông H vẫn chăm sóc, đưa đón con đi học hàng ngày. Hai vợ chồng này không còn qua lại, quan tâm, tình cảm gì nữa mỗi người sống một nơi". Ngoài ra, Tòa án cũng đã triệu tập ông H nhiều lần để tham gia tố tụng cũng như để hòa giải hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng ông H không đến Tòa, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông H là có, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, việc bà C yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của đương sự, Bản sao giấy khai sinh số 85/2013 ngày 01/6/2013 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho trẻ Phan Nguyễn Ngọc X thì có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Phan Thanh H có 01 con chung tên Phan Nguyễn Ngọc X, sinh ngày 24/7/2012. Khi ly hôn bà C đồng ý tiếp tục giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, tự thỏa thuận việc cấp dưỡng. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phía bị đơn không có ý kiến gì khác và yêu cầu này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Giao con chung cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, bà C yêu cầu tự nguyện thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: bà C và ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9; 53; 56; 57; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C .

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với ông Phan Thanh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 01/2002, do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận 4 cấp ngày 15/11/2012)

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Phan Thanh H có 01 con chung tên Phan Nguyễn Ngọc X, sinh ngày 24/7/2012. Giao con chung tên Phan Nguyễn Ngọc X, sinh ngày 24/7/2012 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, tự thỏa thuận việc cấp dưỡng.

Bà C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở, nhưng không ai được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: bà C và ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0024094 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà C đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTp. HCM;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Cơ quan cấp giấy CN ĐKKH;
- Lưu VP – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Thủy Tiên